

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**LÊ QUANG THÀNH**

**ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG TỘI LỪA ĐẢO  
CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN DO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI  
THỰC HIỆN Ở VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm**

**Mã số :62.38.01.05**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI, 2016**

**Công trình được hoàn thành tại:**

**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**Người hướng dẫn khoa học: GS. TS. Hồ Trọng Ngũ**

**Phản biện 1: PGS. TS. TRẦN ĐÌNH NHÃ**

**Phản biện 2: PGS.TS. TRẦN VĂN ĐỘ**

**Phản biện 3 : PGS.TS. TRẦN VĂN LUYỆN**

*Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện tại: Học viện khoa học xã hội*

Vào hồi ..... giờ, ngày ..... tháng ..... năm 2016

***Có thể tìm hiểu luận án tại:***

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Lê Quang Thành, *Những vấn đề cần trao đổi về tội phạm có tính chất quốc tế và tội phạm quốc tế*, Tạp chí KHGD CSND, số tháng 4/2011
2. Lê Quang Thành, *Nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp tài sản do người nước ngoài thực hiện*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật – Viện nghiên cứu NN&PL, số tháng 2/2012
3. Lê Quang Thành, *Một số vấn đề cần chú ý nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh với đối tượng người nước ngoài sử dụng công nghệ cao phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản ở Việt Nam*, Tạp chí KHGD CSND, số tháng 1/2014
4. Lê Quang Thành, *Nội dung cơ bản của luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam*, Tạp chí KHGD CSND, số tháng 12/2014
5. Lê Quang Thành, *Hoàn thiện pháp luật trong phòng ngừa, đấu tranh đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật – Viện nghiên cứu NN&PL, số tháng 8 năm 2015.

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

*Thứ nhất*, theo số liệu thống kê, từ năm 2000 đến năm 2010 các cơ quan chức năng của Việt Nam đã phát hiện, điều tra, xử lý khoảng 1.300 vụ với gần 3000 đối tượng người nước ngoài thực hiện tội phạm ở Việt Nam. Trong đó, phát hiện và xử lý 130 vụ người nước ngoài phạm tội lừa đảo CĐTTS, chiếm khoảng 10% tổng số vụ án. Từ đầu năm 2010 đến nay, tình hình tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam diễn biến rất phức tạp. Điển hình như tại TP Hồ Chí Minh, trong năm 2014, CATP HCM đã phát hiện, xử lý 137 vụ việc do người nước ngoài thực hiện, với 151 đối tượng, trong đó có 18 vụ lừa đảo CĐTTS, với 39 đối tượng. TAND TPHCM, trong năm 2014 đã xét xử 37 vụ án do người nước ngoài gây ra, trong đó có 8 vụ lừa đảo CĐTTS. Chỉ riêng 6 tháng đầu năm 2015, Công an TPHCM đã phát hiện, xử lý được 52 vụ với 127 đối tượng người nước ngoài phạm pháp hình sự và trong tổng số 52 vụ đó đã có tới 13 vụ với 32 đối tượng thực hiện các hoạt động lừa đảo CĐTTS. Số lượng các vụ việc lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện chiếm tỷ lệ không nhiều song sự xuất hiện với tần suất khá đều đặn, tính chất, quy mô, mức độ nghiêm trọng ngày càng phức tạp và hậu quả thiệt hại thì đặc biệt lớn.

*Thứ hai*, phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm người nước ngoài, trong đó có tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện là yêu cầu rất cấp thiết hiện nay. Tuy nhiên, hoạt động phòng ngừa, đấu tranh với loại tội phạm này vẫn còn nhiều những khó khăn, vướng mắc, kể cả trên phương diện lý luận cũng như thực tiễn. Nhiều quy định của pháp luật về vấn đề này đã ban hành từ lâu, hiện nay không còn phù hợp, nhiều quy định mới thì chung chung, trừu tượng dẫn đến việc nhận thức và vận dụng của các chủ thể không thống nhất. Quy trình phối kết hợp giữa các chủ thể trong phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện còn thiếu, chưa đồng bộ, không đảm bảo yêu cầu đấu tranh với tội phạm người nước ngoài trong tình hình mới. Việc áp dụng pháp luật hình sự, các biện pháp tư pháp và biện pháp tố tụng đối với người nước ngoài nhiều khi còn có sự can thiệp về mặt ngoại giao nên rất khó khăn trong công tác điều tra, xử lý. Mặt khác, hoạt động điều tra khám phá, xử lý gặp khá nhiều vướng mắc vì các đối tượng người nước ngoài ngày càng tinh vi, xảo quyệt và chủ yếu lợi dụng những sơ hở, điểm yếu trong các lĩnh vực mới như công nghệ cao, chứng khoán, tín dụng, ngân hàng... để lừa đảo CĐTTS.

*Thứ ba*, để góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm người nước ngoài nói chung, tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện nói riêng, đồng thời góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật HS, TTHS tạo cơ sở pháp lý phù hợp, hiệu quả trong công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện; đảm bảo xử lý các đối tượng phạm tội một cách nghiêm minh trước pháp luật, tạo niềm tin đối với nhân dân về uy tín của Nhà nước đồng thời không làm ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại, xu thế hội nhập toàn cầu hóa hiện nay, NCS chọn nghiên cứu đề tài: **“Đấu tranh phòng, chống tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam”** làm đề tài luận án tiến sĩ Luật học.

## 2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

### 2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện lý luận và nâng cao hơn nữa hiệu quả phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam trong thời gian tới.

## **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt mục đích trên, luận án đặt ra và giải quyết những nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về phòng ngừa tội phạm và phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện;

- Nghiên cứu thực tiễn tình hình tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện và chỉ ra nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện trong thời gian qua;

- Làm rõ kết quả đạt được trong thực tiễn phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện; những khó khăn, hạn chế về lý luận và nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế trong thực tiễn phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện;

- Dự báo tình hình tội phạm do người nước ngoài thực hiện, tình hình tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam trong thời gian tới và đưa ra những giải pháp, kiến nghị.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận án nghiên cứu về những vấn đề lý luận và thực tiễn phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- *Nội dung*: Những vấn đề lý luận về phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện; nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện và thực tiễn hoạt động phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam, chủ yếu trên phương diện hoạt động của lực lượng CAND.

- *Về địa bàn*: Toàn quốc (*Tập trung chủ yếu ở các tỉnh, thành phố lớn, trọng điểm về kinh tế - thương mại*)

- *Về thời gian*: Từ năm 2005 - 2014

## **4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

**4.1. Phương pháp luận**: Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta về đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

**4.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể**: Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu đặc trưng của chuyên ngành Luật Hình sự, Tổ tụng Hình sự tội phạm phạm học và phòng ngừa tội phạm như: *Phương pháp điều tra chọn mẫu theo lát cắt ngang; Phương pháp nghiên cứu tài liệu; Phương pháp phân tích, tổng hợp; Phương pháp thu thập số liệu phi thực nghiệm (lập bảng hỏi); Phương pháp chuyên gia; Phương pháp điều tra điển hình.*

## **5. Những điểm mới của luận án**

- Luận án góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận về phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam;

- Chỉ ra nguyên nhân, điều kiện của loại tội này và đưa ra dự báo về một số đặc điểm của tình hình tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam; Làm rõ

những ưu điểm trong nhận thức và thực tiễn áp dụng lý luận về phòng ngừa tội phạm; các quy định của pháp luật hình sự, pháp luật TTHS trong phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện, đồng thời chỉ ra những điểm còn hạn chế;

- Đề xuất một số giải pháp, kiến nghị góp phần hoàn thiện lý luận, nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam.

## **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án**

- *Ý nghĩa khoa học*: Luận án hệ thống và góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận về phòng ngừa tội phạm nói chung, lý luận về phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện. Những nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án góp phần đánh giá khách quan, khoa học về lý luận cũng như thực tiễn phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện tại Việt Nam;

- *Ý nghĩa thực tiễn*: Những giải pháp, kiến nghị của luận án có thể áp dụng vào hoạt động thực tiễn, giúp công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện đạt hiệu quả cao hơn; Luận án còn có giá trị làm tài liệu để các chủ thể làm công tác thực tiễn tìm hiểu cũng như cho những tổ chức, cá nhân có quan tâm đến vấn đề này cần nghiên cứu.

## **7. Cơ cấu của Luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu thành 4 chương như sau:

# **CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

## **1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước**

Từ những công trình đã công bố của nhiều nhà nghiên cứu cho thấy, liên quan đến đề tài luận án đến nay đã có nhiều nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Có thể khái quát như sau:

- *Thứ nhất*, các công trình nghiên cứu chuyên sâu về lý luận tội phạm học và phòng ngừa tội phạm. Có nhiều giáo trình và sách chuyên khảo của nhiều nhà khoa học đầu ngành như: GS, TS Võ Khánh Vinh, GS, TS Hồ Trọng Ngũ, GS, TS Nguyễn Xuân Yêm...

- *Thứ hai*, các công trình viết về hoạt động phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm hình sự nói chung, tội lừa đảo CĐTTS và tội phạm người nước ngoài ở Việt Nam nói riêng, bằng các biện pháp và hoạt động nghiệp vụ của lực lượng CSND, trong đó có hoạt động phòng ngừa, điều tra đối với tội lừa đảo CĐTTS và tội phạm lừa đảo CĐTTS có yếu tố nước ngoài. Gồm 8 Luận án tiến sĩ, 11 sách chuyên khảo, 04 đề tài khoa học cấp Bộ, hơn 20 bài báo khoa học trên các tạp chí...

- *Thứ ba*, những nghiên cứu đề cập đến những vấn đề về người nước ngoài, quy chế pháp lý của họ ở Việt Nam. Với 02 Luận án tiến sĩ, 01 đề tài khoa học cấp Bộ, hơn 10 bài báo trên các tạp chí...

Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc và hệ thống lại những kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học thông qua nội dung của những công trình đã nói trên, chúng tôi đã có những nhận xét chung về tình hình nghiên cứu của các công trình đã thực hiện có

liên quan trực tiếp đến đề tài “*Đấu tranh phòng, chống tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam*” dưới những góc độ sau:

*Một là*, về khía cạnh pháp lý hình sự của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã được các tác giả nghiên cứu tương đối đầy đủ, thể hiện thông qua những nội dung cơ bản như sau:

- Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa được quy định tại Điều 134 - Bộ luật Hình sự 1985; Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại điều 139 BLHS 1999, Điều 174 BLHS 2015;

- Các dấu hiệu pháp lý của tội phạm, các yếu tố cấu thành tội lừa đảo CĐTTS theo quy định của BLHS 1999 như: mặt khách quan của tội phạm, mặt chủ quan, khách thể và chủ thể của tội phạm; trách nhiệm hình sự, hình phạt... đã được các tác giả đề cập tương đối đầy đủ, rõ ràng với cơ sở lý luận vững chắc và NCS có thể sử dụng để tham khảo khi nghiên cứu luận án;

*Hai là*, về người nước ngoài và chế độ pháp lý người nước ngoài

Những vấn đề lý luận về người nước ngoài và chế độ pháp lý của người nước ngoài; về thực trạng quản lý người nước ngoài ở Việt Nam... đã được một số công trình đề cập. Từ đó, đưa ra những định hướng, kiến nghị xây dựng và hoàn thiện pháp luật về người nước ngoài; đổi mới tổ chức, bộ máy, nhằm thực hiện quản lý nhà nước có hiệu quả đối với người nước ngoài ở Việt Nam.

*Ba là*, về các chủ thể đấu tranh phòng, chống tội phạm ở Việt Nam.

Tổ chức lực lượng, chức năng, nhiệm vụ của các chủ thể đấu tranh phòng, chống tội phạm; cơ sở pháp lý cho việc thực hiện vai trò, chức năng của các chủ thể, nhất là của lực lượng CAND đã được nhiều công trình nghiên cứu, trình bày tương đối đầy đủ kể cả trên phương diện lý luận và thực tiễn.

*Bốn là*, những vấn đề lý luận về phòng ngừa tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện. Các công trình nghiên cứu cũng đã đề cập nhiều đến những vấn đề lý luận, cơ sở pháp lý, nguyên tắc cũng như thực trạng việc tổ chức, hoạt động đấu tranh phòng, chống của các chủ thể, trong phòng ngừa, điều tra, xử lý tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện.

*Năm là*, về tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm nói chung và tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện nói riêng. Nhiều công trình của các tác giả đã phân tích, đánh giá về đặc điểm của tình hình tội phạm nói chung, đặc điểm tình hình tội phạm có yếu tố nước ngoài. Các công trình nghiên cứu cũng đã chỉ ra nguyên nhân, điều kiện khách quan, chủ quan của tội phạm lừa đảo CĐTTS và nguyên nhân, điều kiện của tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam;

*Sáu là*, về các giải pháp và kiến nghị nâng cao hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm do người nước ngoài thực hiện và tội lừa đảo CĐTTS. Hầu hết, các công trình nghiên cứu đều đã đưa ra được những giải pháp và kiến nghị góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm nói chung và tội phạm lừa đảo CĐTTS do nước ngoài thực hiện nói riêng. Những kết luận, giải pháp và kiến nghị khoa học đó là căn cứ để các nghiên cứu tiếp theo tham khảo, tiếp tục đánh giá, nghiên cứu những vấn đề còn chưa đề cập tới hoặc đã đề cập tới song theo một hướng tiếp cận khác.

## 1.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước

Nghiên cứu, tham khảo từ những nguồn tư liệu khác nhau, chúng tôi tạm thời khái quát tình hình nghiên cứu ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án dưới những góc độ như sau:

### - **Những công trình nghiên cứu về lý luận tội phạm học và phòng ngừa tội phạm:**

*Thứ nhất*, các công trình nghiên cứu lý luận về phòng ngừa tội phạm dưới góc độ tội phạm học, điển hình như: Công trình của Conklin J.E, *Criminology*, (Dịch: Tội phạm học), Macmillan publishing company - New York, 1989, Viện thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội 1991; Công trình của R. Belkin, Yu. Korukhov, *Fundamentals of Criminalistics*, (Dịch: Nguyên tắc cơ bản của tội phạm học), M: Progress Publishers, 1987, Viện thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội; Công trình của Larry J. Siegel, *Criminology: theories, patterns, and typologies*, (Dịch: Lý thuyết, mô hình tội phạm học), USA: Wadsworth, 2001, Viện thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội; Công trình của Minkovskij G.M (Chủ biên) (1977), *Justification of crime prevention* (Dịch: Cơ sở lý luận của việc phòng ngừa tội phạm), Mat-xcơ-va, Jurid. Literatue, 1977 - Viện Thông tin Khoa học xã hội, năm 1982; Công trình của Paul Lafargue, *Crime situation in France from 1840 to 1886 - Dynamics and causes* (Dịch: Tình hình tội phạm ở Pháp từ năm 1840 đến năm 1886 – Động thái và các nguyên nhân), Viện Thông tin khoa học xã hội - Hà Nội 1983.

*Thứ hai*, các công trình nghiên cứu về đặc điểm tội phạm, đặc điểm hình sự và phòng, chống tội phạm cũng như phòng, chống đối với loại tội phạm cụ thể. Điển hình như: Công trình, *Der Verbrecher* (Dịch: *Người phạm tội*), của Dr Cesare Lombroso người Italia (1835 – 1909), Viện Thông tin khoa học xã hội - Hà Nội 1988; Công trình của G.I. Checbrarop, *Research on the prevention of the crimes of the body* (Dịch: *Nghiên cứu về phòng ngừa các tội xâm phạm thân thể*), Viện Khoa học Công an, Hà Nội 1977, Chương XVIII; Nghiên cứu về bạo lực trong các trường phổ thông, tác giả Can Ueda (Chương V, trong cuốn *Tội phạm và tội phạm học ở Nhật Bản*, do GS Nguyễn Xuân Yêm và GS Hồ Trọng Ngũ dịch, Nhà xuất bản CAND, năm 1994).

*Thứ ba*, nghiên cứu về pháp luật Hình sự, điển hình là Sách chuyên khảo của GS Frank Schmalleger, *Criminal law today: an introduction with capstone cases* (Dịch: *Pháp luật hình sự hiện nay*), USA: Pearson education, Inc, 2011...

### - **Các công trình nước ngoài trực tiếp nghiên cứu về phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam.**

Qua nghiên cứu các nguồn tư liệu ngoại ngữ và dịch thuật khác nhau thấy rằng vấn đề **“phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam”** đến nay vẫn chưa được sự quan tâm nghiên cứu về mặt lý luận cũng như thực tiễn của các nhà khoa học nước ngoài. Bởi vì:

*Thứ nhất*, do khác biệt về chế độ chính trị, truyền thống lập pháp và kinh nghiệm tổ chức bộ máy đấu tranh phòng, chống tội phạm nên mỗi quốc gia có cách thức phòng ngừa tội phạm phù hợp. *Thứ hai*, đây là đề tài nghiên cứu về khoa học ứng dụng liên quan trực tiếp đến hoạt động phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm là người nước ngoài ở Việt Nam cho nên ít được người nước ngoài quan tâm. Hơn nữa, tình hình tội phạm này phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thực tiễn của Việt Nam (như: tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và thậm chí là truyền thống lịch sử, văn hóa...). Việc nghiên cứu vấn đề này đối với người nước ngoài là rất khó khăn về ngôn ngữ, về số liệu... chưa kể nhu cầu sử dụng sản phẩm



ngiên cứu đối với họ. *Thứ ba*, quan điểm về nguyên nhân, điều kiện của tội phạm, chủ thể, khách thể, mặt khách quan của tội phạm ở các nước khác nhau cũng nhiều điểm khác nhau. *Thứ tư*, pháp luật Hình sự của Việt Nam và nước ngoài là rất khác nhau vì vậy, căn cứ pháp lý để xác định một hành vi như thế nào là phạm vào tội lừa đảo CĐTTS cũng khác nhau.

### **1.3. Hướng nghiên cứu tiếp theo**

- *Một là*, cần phải có những nghiên cứu mới về đặc điểm tình hình tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam trong thời gian gần đây để hiểu đúng thực trạng của tình hình tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện. Từ đó, có những đánh giá đúng đắn, khoa học về diễn biến, cơ cấu và tính chất cũng như xu hướng của loại tội phạm này trong điều kiện hiện nay và trong thời gian tới.

- *Hai là*, những vấn đề khá gai góc như việc hoàn thiện quy trình phối hợp giữa các chủ thể trong phòng ngừa; quy trình áp dụng chế tài hình sự đối với người nước ngoài phạm tội; quy trình áp dụng các biện pháp tố tụng, tư pháp đối với họ như thế nào? hoạt động phòng, chống tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện có những ưu, nhược điểm gì? những hạn chế, yếu kém về mặt lý luận và thực tiễn ra sao?... Cần phải tiếp tục phải nghiên cứu, đánh giá và chỉ rõ;

- *Ba là*, cần phải tiếp tục có những nghiên cứu mới để đánh giá về ưu điểm, hạn chế của hoạt động phòng ngừa đối với loại tội phạm này để đưa ra giải pháp góp phần hoàn thiện lý luận, nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện trong xu thế hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay.

- *Bốn là*, luận án tiếp tục nghiên cứu, làm rõ về những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện trong tình hình mới và đưa ra những dự báo, biến động của loại tội phạm này dựa trên cơ sở khoa học vững chắc, làm căn cứ để đưa ra giải pháp, kiến nghị nhằm góp phần loại trừ nguyên nhân, điều kiện của tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam trong thời gian tới.

*Năm là*, một vấn đề hết sức quan trọng mà chúng tôi thấy cần nhận thức thống nhất nữa nhưng rất ít được đề cập trong những nghiên cứu trước đây đó là: trong phòng ngừa tội phạm nói chung, phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện nói riêng phải chú trọng cả hai mặt phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ để hình thành thế trận phòng ngừa tội phạm toàn diện. Phải xác định đấu tranh chống cũng có giá trị phòng ngừa vì suy cho cùng thì hoạt động khám phá, điều tra, xử lý nghiêm minh tội phạm và kết quả xử lý các hành vi phạm tội đạt hiệu quả cao là góp phần răn đe, giáo dục, cảnh báo những người nước ngoài đang có ý định vào Việt Nam để phạm tội.

### **Kết luận Chương 1**

Trong Chương 1, luận án đã trình bày tổng quan về tình hình nghiên cứu của các nhà khoa học trong nước và một số công trình ở ngoài nước (chủ yếu dựa trên các tài liệu dịch) về phòng ngừa tội phạm nói chung và phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện nói riêng. Do điều kiện tài liệu về hoạt động phòng ngừa tội phạm của nước ngoài còn hạn chế, nên luận án chủ yếu đi sâu phân tích các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học của Việt Nam trong lĩnh vực phòng ngừa tội phạm, qua đó xác định: tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện đã và đang diễn biến phức tạp và đã được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu để đưa ra các biện pháp phòng ngừa hữu hiệu nhằm kiềm chế sự gia tăng, ngăn chặn và tiến tới loại trừ loại tội phạm này. Trên cơ

sở phân tích khái quát kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước về các giải pháp phòng ngừa nhóm tội phạm này, luận án đã đi đến kết luận: các nhà khoa học Việt Nam đã có nhiều cố gắng và thành công khi nghiên cứu lý luận về phòng ngừa tội phạm và đã đạt được nhiều kết quả góp phần cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện lý luận và các chỉ dẫn thực tiễn để nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm.

## Chương 2

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÒNG NGỪA TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN DO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THỰC HIỆN Ở VIỆT NAM

#### 2.1. Nhận thức chung về phòng ngừa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện

2.1.1. Người nước ngoài và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện

2.1.1.1. Người nước ngoài và quy chế pháp lý người nước ngoài ở Việt Nam

Khái niệm người nước ngoài: “Người nước ngoài là người không có quốc tịch Việt Nam. Bao gồm người nước ngoài cư trú ở Việt Nam (công dân nước ngoài thường trú hoặc tạm trú ở Việt Nam) và người không quốc tịch (người không có quốc tịch Việt Nam và cũng không có quốc tịch nước ngoài)”.

Người nước ngoài cũng là một chủ thể tham gia quan hệ pháp luật và quy chế pháp lý đối với người nước ngoài ở Việt Nam được xác định bao gồm: Quy chế pháp lý dân sự; quy chế pháp lý hình sự; Quy định về vấn đề xuất, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú, đi lại của người nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam và trục xuất người nước ngoài ra khỏi lãnh thổ Việt Nam...

Hiện nay, nhà nước ta chưa có một đạo luật riêng biệt về địa vị pháp lý người nước ngoài. Những quy định đó còn nằm rải rác ở các văn bản khác nhau nên còn tản mạn, đôi khi còn trùng lặp, tạo nên những sơ hở cho các đối tượng xấu, lợi dụng hoạt động phạm tội xâm hại đến an ninh trật tự của nước ta. Vấn đề đặt ra là phải từng bước hoàn thiện cơ sở pháp lý góp phần ngăn chặn, phòng ngừa các hành vi phạm tội của người nước ngoài tại Việt Nam, bảo vệ ANQG, giữ gìn TTATXH; mặt khác, đảm bảo phương châm đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong xu thế hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay.

2.1.1.2. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam

Khái niệm: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội do cá nhân người nước ngoài và pháp nhân thương mại nước ngoài, có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, các quyền về tài sản của các chủ thể khác và theo quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam sẽ phải chịu hình phạt.

Như vậy, có thể thấy giữa khái niệm chung về Tội phạm (Điều 8 BLHS 1999 và Điều 8 BLHS 2015) và khái niệm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam” khác nhau ở hai yếu tố cơ bản là “chủ thể” phạm tội và “địa điểm” phạm tội. Vì vậy, chúng tôi cho rằng dưới góc độ dấu hiệu pháp lý thì tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam chỉ khác so với Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói chung ở hai đặc điểm là 1) chủ thể - người nước ngoài, pháp nhân thương

mại nước ngoài và 2) địa điểm - lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Mặc khác, cũng cần phải xác định trên phương diện lý luận cũng như thực tiễn, phải nhận thức thống nhất rằng “tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam” cũng phải mang đầy đủ những dấu hiệu, đặc điểm pháp lý đặc trưng về khách thể, mặt khách quan, mặt chủ quan của tội lừa đảo CĐTTS được quy định tại Điều 139 BLHS 1999 và Điều 174 BLHS 2015.

*2.1.2. Nhận thức về phòng ngừa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện*

*2.1.2.1. Khái niệm, mục đích, đặc điểm của phòng ngừa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện*

- Khái niệm “Phòng ngừa tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện là việc áp dụng tổng hợp các biện pháp khác nhau (biện pháp của Nhà nước, biện pháp xã hội, biện pháp chuyên biệt...) hướng vào việc thủ tiêu các nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện nhằm từng bước ngăn chặn, hạn chế, đẩy lùi và tiến tới triệt tiêu tình hình loại tội phạm này”.

- Mục đích phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện bao gồm: 1) Phát hiện, thủ tiêu nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện; 2) Ngăn chặn, hạn chế, đẩy lùi và tiến tới triệt tiêu tình hình tội phạm này ở Việt Nam trong thời gian tới.

- Đặc điểm, vai trò của phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện:

+ *Thứ nhất*, phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện sẽ tiến hành các biện pháp nhằm phát hiện, triệt tiêu, xóa bỏ nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện, không để tội phạm này xảy ra.

+ *Thứ hai*, phòng ngừa tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam là biện pháp có lợi ích kinh tế nhất.

+ *Thứ ba*, hoạt động phòng ngừa tội phạm do người nước ngoài gây ra ở Việt Nam nói chung và tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện nói riêng có hiệu quả sẽ làm giảm tình trạng phạm tội, thu hẹp diện và đối tượng phạm tội, ngăn chặn và phát hiện kịp thời những thủ đoạn phạm tội mới trong một số lĩnh vực mới.

+ *Thứ tư*, phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam, một mặt đề cao chủ quyền quốc gia, giữ vững ANQG và đảm bảo TTATXH, mặt khác đảm bảo yêu cầu người nước ngoài khi đến Việt Nam làm ăn, sinh sống phải tuân theo Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, tôn trọng phong tục, tập quán của nhân dân Việt Nam.

Như vậy, để đấu tranh phòng, chống tội phạm do người nước ngoài gây ra ở Việt Nam nói chung và phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam một cách có hiệu quả phải làm xác định rõ đặc điểm, vai trò của công tác phòng ngừa. Phòng ngừa tội phạm nói chung, hoạt động phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện nói riêng là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân với vai trò nòng cốt, chủ đạo là của lực lượng CAND.

### *2.1.2.2. Cơ sở pháp lý cho hoạt động phòng ngừa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện*

Xét một cách tổng quát thì cơ sở pháp lý quan trọng của phòng ngừa tội phạm nói chung và tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam nói riêng là một cơ cấu phức tạp, bao gồm các quy định của nhiều ngành luật khác nhau. Qua phân tích, nghiên cứu những quy định pháp luật có liên quan trực tiếp về phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm do người nước ngoài gây ra ở Việt Nam nói chung và tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện nói riêng, có thể đưa ra một số nhận xét:

*Một là*, cơ sở pháp lý quan trọng để triển khai các hoạt động phòng ngừa đối với tội phạm do người nước ngoài gây ra, trong đó có tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam là Hiến pháp, các Bộ luật, luật như: Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng Hình sự, Luật Tổ chức CQĐTTS, Luật Tổ chức TAND, Luật tổ chức VKSND; các Hiệp định tương trợ tư pháp hình sự, các văn bản hợp tác quốc tế, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến hoạt động của người nước ngoài tại Việt Nam;

*Hai là*, hệ thống các văn bản nói trên tuy chưa thực sự hoàn thiện, đồng bộ, thống nhất và cũng chưa tạo nên một hệ thống quy phạm hoàn chỉnh nhưng cũng đã quy định khá rõ về: tổ chức phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm nói chung và tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện nói riêng; xác định trách nhiệm của các chủ thể tham gia phòng ngừa tội phạm do người nước ngoài gây ra; xác định trình tự hoạt động tố tụng khi giải quyết các vụ án lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam...;

*Ba là*, trong tương lai, để có sự thống nhất về tổ chức hoạt động phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm do người nước ngoài gây ra ở Việt Nam trong đó có tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện và để phân công trách nhiệm cụ thể của từng chủ thể, từng lực lượng ... cần phải có những quy định pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ hơn nữa về tổ chức hoạt động phòng ngừa tội phạm do người nước ngoài thực hiện trong đó có tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam.

## **2.2. Nội dung và biện pháp phòng ngừa đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam**

### *2.2.1. Nội dung phòng ngừa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện*

Nội dung phòng ngừa đối với tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện, chủ yếu là trên phương diện hoạt động của lực lượng CAND chính là việc phát hiện, làm rõ nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài gây ra; đồng thời, chủ động áp dụng các biện pháp để ngăn chặn, hạn chế, đẩy lùi và tiến tới loại bỏ các hành vi phạm tội mới do người nước ngoài gây ra.

Có thể khái quát nội dung phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện với những nhiệm vụ cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, lập kế hoạch chi tiết cho hoạt động phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam; soạn thảo và tham mưu, đề xuất các biện pháp phòng ngừa thích hợp, tích cực như củng cố, hoàn thiện, xây dựng mới quy trình quản lý hoạt động của người nước ngoài; đề xuất, ban hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam;

*Thứ hai*, nghiên cứu, nắm vững các quy luật hoạt động của các đối tượng có hành vi tội phạm người nước ngoài lừa đảo CĐTTS, phương thức, thủ đoạn, cách thức tiến hành.

Phân loại đối tượng, nhóm đối tượng, theo dõi nắm bắt kịp thời những diễn biến về tình hình tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam;

*Thứ ba*, nghiên cứu, phát hiện những nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện, chỉ ra những điều kiện có thể tạo khả năng thuận lợi cho việc thực hiện hành vi phạm tội như: các hiện tượng xã hội tiêu cực; những tồn tại, sơ hở, thiếu sót về pháp luật; sự buông lỏng các khâu quản lý xuất nhập cảnh, cư trú, đi lại, hành nghề và các hoạt động khác của người nước ngoài ở Việt Nam;

*Thứ tư*, tổ chức các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện theo kế hoạch; phân công, bố trí lực lượng tham gia phù hợp; kiểm tra, giám sát hoạt động của các chủ thể cũng như sự phối kết hợp giữa các lực lượng trong công tác đó;

*Thứ năm*, thống kê, phân tích và mô tả hiệu quả các hoạt động phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện, phát hiện những sơ hở, thiếu sót về lý luận để sửa chữa, kịp thời; bổ sung các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả đối với loại tội phạm này.

*2.2.2. Biện pháp phòng ngừa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện*

*Khái niệm: Biện pháp phòng ngừa tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện là cách thức tác động đến yếu tố tiêu cực là nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện, nhằm hạn chế nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm này, không để cho tội phạm xảy ra, tiến tới loại trừ tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ra khỏi đời sống xã hội.*

Biện pháp phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện có thể khái quát ở hai nhóm cơ bản là: biện pháp phòng ngừa xã hội (phòng ngừa chung) và biện pháp phòng ngừa riêng (phòng ngừa nghiệp vụ; phòng ngừa chuyên môn). Trong đó, biện pháp phòng ngừa xã hội bao gồm: biện pháp kinh tế - xã hội; biện pháp tổ chức, quản lý xã hội; biện pháp chính trị, tư tưởng, văn hóa; biện pháp giáo dục, đào tạo; biện pháp pháp luật. Biện pháp phòng ngừa riêng phải kể đến là: các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ của lực lượng CAND như: điều tra cơ bản; biện pháp sưu tra; biện pháp xây dựng, sử dụng mạng lưới bí mật; biện pháp đấu tranh chuyên án; biện pháp pháp luật do lực lượng CSND và ANND tiến hành; biện pháp phòng ngừa của VKSND, của TAND.

## **Kết luận chương 2**

Phòng ngừa tội phạm nói chung, phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam nói riêng đang trở thành nhu cầu cấp thiết. Nhất là trong thời gian qua, tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam liên tục tăng giảm không theo quy luật, với những phương thức mới, thủ đoạn mới, ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Chương 2 của Luận án cũng đã làm rõ những vấn đề lý luận về người nước ngoài, quy chế pháp lý của họ; quy định của pháp luật Hình sự về tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện; cơ sở lý luận, pháp lý về phòng, chống tội phạm nói chung, phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện nói riêng. Bên cạnh đó những kết quả nghiên cứu trong Chương 2 cũng đã mô tả, xác định được đặc điểm, biện pháp, nội dung phòng ngừa tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện. Đây là căn cứ để đưa ra những giải pháp, kiến nghị góp phần hoàn thiện

cơ sở pháp lý về phòng ngừa tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện trong thời gian tới.

### **Chương 3**

## **THỰC TIỄN PHÒNG NGỪA TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN DO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THỰC HIỆN Ở VIỆT NAM**

### **3.1. Tình hình và nguyên nhân, điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam**

#### **3.1.1. Tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam**

##### *3.1.1.1. Thực trạng, diễn biến của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam*

Từ năm 2001 đến nay, tình hình người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại các địa phương ngày càng tăng, trung bình hàng năm tăng từ 20% đến 30%. Tính đến hết tháng 6-2014 đã có 22.791.327 lượt người nước ngoài vào Việt Nam. Hiện nay trên cả nước có khoảng hơn 500.000 người nước ngoài sinh sống, làm ăn. Trong đó người mang quốc tịch Trung Quốc chiếm gần 20%, Hàn Quốc chiếm 16%, Mỹ chiếm 10%, Australia chiếm gần 8%, Đài Loan hơn 5%...

Theo số liệu thống kê, trong thời gian từ năm 2005 đến 2014, lực lượng Công an các địa phương trong cả nước đã khởi tố, điều tra 2176 vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài liên quan đến 2241 đối tượng. Trong đó có 1223 vụ án xâm phạm về trật tự xã hội (gọi là tội phạm hình sự) với 1282 đối tượng; 328 vụ án xâm phạm về trật tự quản lý kinh tế (gọi là *tội phạm kinh tế*) với 345 đối tượng và 625 vụ án về tội phạm ma túy với 614 đối tượng. Trong 5 năm gần đây, từ năm 2010 đến 2014, toàn quốc xảy ra 738 vụ án do người nước ngoài gây ra với 871 đối tượng.

Người nước ngoài đã phạm nhiều tội quy định trong BLHS Việt Nam, trong đó nổi lên bốn nhóm tội đặc trưng là: Xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; các tội phạm về kinh tế; các tội phạm về ma túy và các tội phạm khác xâm hại về trật tự, an toàn xã hội. Khảo sát thực tế cho thấy, các tội sau đây có xu hướng tăng nhanh: tội lừa đảo CĐTTS, tội phạm về ma túy, mua bán phụ nữ chiếm tới 33,8% về số vụ và 24,0% về số đối tượng; các tội phạm về kinh tế, tội buôn lậu, gian lận thương mại, lừa đảo kinh tế, cố ý làm trái, kinh doanh trái phép chiếm 25,8% về số vụ và 27,5% về số đối tượng.

Trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát chúng tôi được biết từ năm 2005 đến năm 2014 trên toàn quốc đã phát hiện 255 vụ việc, với 321 đối tượng người nước có hành vi phạm tội lừa đảo CĐTTS. Cụ thể là: Năm 2005 phát hiện 26 vụ; năm 2006 phát hiện 18 vụ; năm 2007 phát hiện 16 vụ; năm 2008 phát hiện 24 vụ; năm 2009 phát hiện 22 vụ; năm 2010 phát hiện 18 vụ; năm 2011 phát hiện 17 vụ; năm 2012 phát hiện 27 vụ; năm 2013 phát hiện 35 vụ; năm 2014 phát hiện 52 vụ. Như vậy, trong 10 năm qua trung bình mỗi năm xảy ra 25,5 vụ. Nhưng nếu thống kê trong 5 năm trở lại đây thì trung bình mỗi năm phát hiện khoảng 29,8 vụ phạm tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện.

Phân tích số liệu nghiên cứu từ 255 vụ việc đã phát hiện, xử lý, chúng ta thấy rằng: Số vụ việc lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam bị phát hiện, khám

phá là đạt 100%. Tuy nhiên, số vụ mà các cơ quan chức năng đã tiến hành điều tra, truy tố, xét xử thì chỉ dao động từ 35,29% đến 46,15%, (tùy số liệu thống kê từng năm) chiếm tỷ lệ khá thấp. Trong tổng số 255 vụ việc đã nghiên cứu, chúng tôi xác định: chỉ có 129 vụ bị khởi tố, chiếm 50,58% ; 90 vụ được đưa ra truy tố, xét xử, chiếm 35,29%; 24 vụ xử lý hành chính, chiếm 9,41% và 12 vụ không xử lý được, chiếm 4,7%.

Tiến hành nghiên cứu, phân tích điển hình trong 139 vụ lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện tại TP Hồ Chí Minh bị Cơ quan Công an phát hiện, khám phá chỉ có 52 vụ được khởi tố điều tra, tỷ lệ 38,76 % và có 29 vụ được đưa ra xét xử, tỷ lệ 16,28 % ; 48 vụ bị xử lý hành chính, chiếm 21,7%; 21 vụ, các đối tượng bị trục xuất khỏi Việt Nam, chiếm 17,05% ; 18 vụ thực hiện việc đẩy đuổi đối tượng hoặc không xử lý được, chiếm tới 13,95%.

Như vậy, tỉ lệ số vụ án lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam thời gian quan mặc dù đã được phát hiện nhưng không không bị xử lý hình sự hoặc chỉ bị áp dụng biện pháp đẩy đuổi, thậm chí không xử lý được ở những đị phương, khu vực khác nhau với tỷ lệ không đồng đều. Số liệu thống kê toàn quốc, con số này là 4,7% và trên địa bàn TP Hồ Chí Minh và một số tỉnh thành phía Nam tỷ lệ này là 13,95%. Theo quan điểm của chúng tôi, đây cần phải được coi là lượng tội phạm “ẩn” của tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam, và tỉ lệ số vụ lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện “ẩn” trong trường hợp này, theo chúng tôi là có độ tin cậy tương đối cao.

Qua nghiên cứu, có thể khái quát một số lí do ẩn của tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện như sau:

*Thứ nhất*, xuất phát từ phía người bị hại. Theo thống kê của chúng tôi trong 255 vụ lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện thì có 189 vụ do bị hại là cá nhân tố cáo với cơ quan Công an, chiếm 74,11%; 20 vụ người bị hại không báo cơ quan Công an vì sợ người khác biết sẽ xấu hổ, vì đa số nạn nhân là nữ giới trong các vụ lừa đảo qua mạng internet hoặc đơn giản một số vụ do tài sản bị chiếm đoạt không quá lớn, chỉ khoảng 300, 500 USD, chiếm khoảng 7,84%... Ngược lại, nghiên cứu trong số 36 vụ lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện mà nạn nhân là các doanh nhân Việt Nam hay doanh nghiệp Nhà nước của Việt Nam, chiếm 14,11%, thì không có vụ nào do các doanh nghiệp này tố cáo với cơ quan Công an, mà chủ yếu do cơ quan Công an phát hiện qua công tác nghiệp vụ.

*Thứ hai*, xuất phát từ chủ thể thực hiện tội phạm với các thủ đoạn tinh vi xảo quyệt và phương thức trốn tránh pháp luật rất tinh vi. Chẳng hạn như: các hành vi lừa đảo CĐTTS bằng cách sử dụng công nghệ cao, sử dụng thẻ tín dụng giả, séc giả, lừa đảo góp vốn đầu tư dự án, kinh doanh tài chính, kinh doanh tiền qua mạng...; khi bị phát hiện thì nhanh chóng bỏ trốn, tìm cách nhờ can thiệp ngoại giao hoặc ngoan cố không khai báo, không sử dụng ngôn ngữ phổ thông...

*3.1.1.2. Cơ cấu, tính chất của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam*

Cơ cấu, tính chất của tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện được nghiên cứu, phân tích và xác định dựa trên những thông số cơ bản như sau:

*Thứ nhất, về lĩnh vực mà người nước ngoài thường thực hiện các hành vi phạm tội:*

- Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hoạt động giao dịch, kinh doanh; hoạt động hợp tác đầu tư, hùn vốn, cho vay vốn vào Việt Nam: 25 vụ, chiếm khoảng 14,6 %.

- Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua sử dụng công nghệ cao như qua mạng Internet, thư điện tử lừa trúng số, trúng thưởng,...: 56 vụ, chiếm khoảng 21,96 %.
- Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua thủ đoạn dùng hộ chiếu giả, séc du lịch giả, thẻ tín dụng giả để rút tiền ở Việt Nam: 45 vụ, chiếm 17,64 %.
- Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hoạt động tổ chức du học, đào tạo, xuất khẩu lao động, đưa phụ nữ ra nước ngoài: 21 vụ, chiếm 8,23%.
- Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua thủ đoạn kết hôn, xuất cảnh, mua bán phụ nữ....: 21 vụ, chiếm 8,23%.
- Lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn chuyển đô la bất hợp pháp, dùng thủ đoạn tẩy trắng đô la: 26 vụ, chiếm 10,19 %.
- Lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua việc mua bán hàng tạp hóa, đổi tiền, tráo tiền: 32 vụ, chiếm 12,54%.
- Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong các lĩnh vực khác: 29 vụ, chiếm 11,37 %.

Như vậy, cơ cấu tội phạm đa dạng, tình trạng phạm tội diễn biến phức tạp, xu hướng ngày một gia tăng. Nếu như từ năm 1990 - 1999, mỗi năm chỉ xảy ra trung bình 120 vụ với 280 đối tượng thì sang năm 2009 - 2010 mỗi năm xảy ra trung bình 277,5 vụ và 294,5 đối tượng, tăng gấp gần 2,3 lần số vụ cũng như số đối tượng. Người nước ngoài lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực công nghệ cao, lừa đảo bằng thủ đoạn gian dối trong việc sử dụng thẻ tín dụng giả chiếm tỷ lệ cao nhất, có tới 101 vụ, chiếm 39,6%; lừa đảo thông qua thủ đoạn đầu tư, cho vay vốn, hợp tác kinh doanh, chiếm 14,6%; thủ đoạn vờ mua bán hàng hóa, đổi tiền, rút lãi, chiếm 12,54%; lừa đảo bằng thủ đoạn “tẩy trắng đôla”; lừa đảo qua du học, qua kết hôn đều có 21 vụ, chiếm 8,23%. Hoạt động lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện tại Việt Nam có thể chưa được thống kê đầy đủ, vì còn có nhiều tội phạm ẩn.

*Thứ hai, nhân thân người nước ngoài phạm tội lừa đảo CĐTTS tại Việt Nam*

- *Về giới tính:* Nghiên cứu 321 đối tượng người nước ngoài phạm tội lừa đảo CĐTTS, trong 255 vụ án từ năm 2005 – 2014, chúng tôi nhận thấy số nam giới là 301 người, chiếm tỷ lệ 95,52%; nữ giới có 20 người, chiếm tỷ lệ 4,48%.

Qua khảo sát 81 phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Z30D cho thấy người nước ngoài phạm tội tại các tỉnh, thành phố phía Nam chủ yếu là nam, có 73 nam, tỷ lệ 90,12% và 8 nữ, tỷ lệ 9,88%. Trong số 15 phạm nhân phạm tội lừa đảo CĐTTS đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Z30D tất cả đều là nam giới, tỷ lệ 100%. Như vậy có thể kết luận sơ bộ, chủ thể là người nước ngoài phạm tội lừa đảo CĐTTS chủ yếu là nam giới. Vì vậy trong thực tiễn phòng, chống cho thấy nạn nhân có giới tính là nữ trong các vụ phạm tội lừa đảo CĐTTS xảy ra ở các lĩnh vực như hùn vốn kinh doanh qua mạng, trò lừa 419, giả kết hôn, lừa trúng thưởng... chiếm số đông.

- *Về độ tuổi:* Nghiên cứu trong số 255 vụ án với 321 đối tượng lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện cho thấy: Tuổi từ 18 đến 30 có 58 người, tỷ lệ 18%; tuổi từ 30 đến 45 có 201 người, tỷ lệ 62,61%; trên 45 tuổi có 62 người, tỷ lệ 19,31%. Thông qua Phiếu điều tra xã hội học, chúng tôi đã tổng hợp và cho thấy kết quả: Từ 18 tuổi đến dưới 30 tuổi có 56 phiếu đồng ý, tỷ lệ 20,6%; trên 30 tuổi có 196 phiếu, tỷ lệ 71,27%.

- *Về quốc tịch:* Đối tượng phạm tội mang nhiều quốc tịch khác nhau, trong đó nổi lên 8 loại quốc tịch là: Đài Loan, Trung Quốc, Campuchia, Libăng, Nga, Mỹ, Hàn Quốc, Nigeria và Congo.



- *Về trình độ văn hóa:* Người nước ngoài phạm tội lừa đảo CĐTTS ở Việt Nam đa số đều có trình độ văn hóa trung học phổ thông trở lên. Gần đây, số vụ án mà bị can có trình độ đại học xảy ra nhiều.

- *Về nghề nghiệp:* Nghề nghiệp của người nước ngoài phạm tội lừa đảo CĐTTS cũng rất đa dạng. Trong số 321 người nước ngoài phạm tội lừa đảo CĐTTS thì chủ yếu là người làm kinh doanh phạm tội, có 72 người, tỷ lệ 22,42%; làm thuê 64 người, tỷ lệ 19,93%; buôn bán, làm nghề tự do... chiếm 57,65%.

- *Về tiền án, tiền sự:* Qua xác minh 321 đối tượng, chỉ có 31 đối tượng khai là có tiền án, tiền sự, chiếm 9,65%; 182 người khai không tiền án, tiền sự, chiếm tỷ lệ 56,7%. Số còn lại là 108 người, số liệu thống kê không thể hiện nên chúng tôi không có thông tin.

- *Về thủ đoạn phạm tội:* Qua nghiên cứu, khảo sát, cho thấy những thủ đoạn khá phổ biến sau đây: *Thủ đoạn khai thác, lợi dụng lòng tham của con người để lừa đảo CĐTTS; Thủ đoạn lợi dụng sự cả tin, mất cảnh giác của người dân, doanh nghiệp; Tạo ra lòng tin ở phía nạn nhân bằng lời nói, cử chỉ, hành động, thông qua giấy tờ, thông qua sự bảo lãnh giả tạo của các cơ quan, tổ chức nước ngoài để người bị hại tin tưởng trao tài sản; Lừa đảo thông qua khai thác những hạn chế của việc sử dụng các giao dịch điện tử ở Việt Nam; Thủ đoạn sử dụng công nghệ cao để lừa đảo CĐTTS; Thủ đoạn giả danh các cơ quan chức năng như Công an, Viện kiểm sát, Hải quan, Thuế vụ.. để lừa đảo CĐTTS...*

- *Về phương thức trốn tránh pháp luật:* Người nước ngoài thường cố tình không sử dụng ngôn ngữ quốc tế như không chịu nói tiếng Anh mà dùng ngôn ngữ Ả rập, tiếng dân tộc Châu Phi, Tây Á... để không chịu khai báo; Khi bị bắt thường tìm cách tiêu hủy vật chứng, hoặc chối tội và đổ lỗi cho đồng bọn đã tẩu thoát, đồng thời liên tục kêu oan; Nhiều trường hợp đối tượng yêu cầu có sự can thiệp của sứ quán hoặc cơ quan lãnh sự gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý; sau khi gây án, chiếm đoạt được tiền và tài sản thì ngay lập tức mua vé máy bay bỏ trốn về nước hoặc trốn sang một nước khác.

- *Về thời gian, địa điểm phạm tội:* Xét về địa danh phạm tội thì chủ yếu các vụ án lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện xảy ra nhiều trên địa bàn các tỉnh thành phố phía Nam (178 vụ), nhất là tại TP Hồ Chí Minh (139) vụ, tỷ lệ 67,44 %; tại Hà Nội và các tỉnh xảy ra 77 vụ, tỷ lệ 32,56 %. Đó đều là những tỉnh, thành phố trọng điểm về kinh tế, thương mại, dịch vụ, du lịch.

- *Về hình thức phạm tội:* Nghiên cứu trong số 255 vụ án lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam và điển hình 178 vụ xảy ra tại TP Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố phía Nam, chúng tôi nhận thấy có 106 vụ thực hiện với sự tham gia của nhiều đối tượng, có tính chất đồng phạm, đạt tỷ lệ 41,56 %. Điều đó cho thấy, tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam thường là loại tội phạm cần có sự hỗ trợ, phối hợp với nhau để thực hiện tội phạm nên thường do nhiều người thực hiện.

- *Về nạn nhân:* Qua nghiên cứu các vụ án lừa đảo CĐTTS cho thấy đặc điểm về nạn nhân của tội phạm này như sau:

+ Cá nhân và các doanh nghiệp Việt Nam: có 216 vụ nạn nhân là cá nhân và doanh nghiệp Việt Nam, chiếm tỷ lệ 84,7%.

+ Người nước ngoài, là nạn nhân của những vụ lừa đảo CĐTTS trong 3 năm trở lại đây tăng lên đáng kể, với tổng cộng 39 người, đạt tỷ lệ 15,29%.

+ Cơ quan, tổ chức của Việt Nam: Có 3 vụ, tỷ lệ 2,33 %, như các ngân hàng, tổ chức tín dụng là nạn nhân trong các vụ lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực đầu tư, hùn vốn, cho

vay vốn, huy động vốn trong hoạt động đầu tư hoặc trong các vụ sử dụng séc giả, thẻ tín dụng giả.

+ Cơ quan, tổ chức của nước ngoài: là nạn nhân trong một số vụ chuyển tiền từ Ngân hàng nước ngoài vào tài khoản mở tại ngân hàng ở Việt Nam, có 2 vụ, tỷ lệ 1,44 %...

### **3.1.2. Nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam**

#### **3.1.2.1. Những nguyên nhân, điều kiện khách quan phổ biến của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện**

- Do xu thế toàn cầu hóa, hội nhập và mở cửa trong quan hệ quốc tế nên tội phạm có yếu tố nước ngoài nói chung và tội phạm lừa đảo CĐTTS nói riêng từ bên ngoài cũng du nhập vào nước ta.

- Do sự tính chất phức tạp của tình hình tội phạm hình sự quốc tế và sự khôn ngoan, xảo quyệt của tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia trên thế giới và tội phạm có yếu tố nước ngoài đã lợi dụng những khó khăn, hạn chế và thiếu sót trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội ở nước ta để thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo CĐTTS.

- Do Việt Nam chưa có sự chuẩn bị kỹ về các điều kiện cần thiết để chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường, dẫn đến sự không theo kịp của cơ sở pháp lý.

#### **3.1.2.2. Các nguyên nhân, điều kiện chủ quan của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam**

- Các cơ quan quản lý Nhà nước và Cơ quan bảo vệ pháp luật ở Việt Nam chưa xác định đúng mức tầm quan trọng và có kế hoạch tổng thể, toàn diện cho hoạt động phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam.

- Hệ thống quy định của pháp luật hiện hành còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ. Việc thực thi pháp luật về phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm do người nước ngoài thực hiện chưa kịp thời, nghiêm túc.

- Sự căm giận, ngộ nhận vào tiềm năng kinh tế của người nước ngoài và sự mất cảnh giác của một bộ phận dân cư do thiếu hiểu biết, nhất là dân cư ở vùng sâu, vùng xa là nguyên nhân chủ yếu trong nhiều vụ án lừa đảo CĐTTS.

- Lòng tham của một bộ phận dân cư là một đặc điểm phổ biến và cũng là nguyên nhân phổ biến của nhiều vụ lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện.

*Tóm lại*, từ phân tích thực trạng, cơ cấu, tính chất, diễn biến, đặc điểm; nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam trong thời gian qua có thể đi đến một số nhận xét:

- Hoạt động của tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam, nhất là tại các tỉnh thành phố trọng điểm về kinh tế, thương mại, du lịch... khá phức tạp và diễn biến ngày càng khó lường; đối tượng phạm tội đã sử dụng kiến thức khoa học kỹ thuật, những tiến bộ vượt bậc của khoa học, kỹ thuật để thực hiện tội phạm và che dấu hành vi phạm tội.

- Tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam mặc dù chỉ chiếm khoảng từ 10,8% -> 12,37% so với tổng số vụ phạm pháp hình sự do người nước ngoài thực hiện, nhưng hậu quả, tác hại của nó để lại rất nghiêm trọng trên nhiều mặt. Tính chất, thủ đoạn của hành vi phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt và cực kỳ nguy hiểm.

Lĩnh vực đa dạng và có xu hướng nhằm vào một số lĩnh vực mới như tài chính, tín dụng - ngân hàng, công nghệ cao...

- Cơ cấu của tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện khá đa dạng, tình hình tội phạm diễn biến phức tạp, xu hướng ngày một gia tăng trên các lĩnh vực mới của đời sống xã hội như: đầu tư tài chính, tín dụng ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán....

### **3.2. Thực tiễn phòng ngừa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam**

#### **3.2.1. Những kết quả đạt được trong hoạt động phòng ngừa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện**

*Thứ nhất*, lực lượng CAND đã chủ động lập kế hoạch chi tiết cho hoạt động phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam; chủ trì soạn thảo và tham mưu, đề xuất nhiều biện pháp phòng ngừa thích hợp, tích cực như: củng cố, hoàn thiện, xây dựng mới quy định pháp luật về quản lý người nước ngoài; đề xuất, kiến nghị xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam; tích cực, chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp tuyên truyền, vận động quần chúng phòng ngừa tội phạm là người nước ngoài, trong đó có tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện.

*Thứ hai*, lực lượng CAND đã nghiên cứu, phát hiện những nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện; chủ động phát hiện, khám phá, điều tra các vụ việc có dấu hiệu lừa đảo CĐTTS; phát hiện, chỉ ra những điều kiện có thể tạo khả năng thuận lợi cho việc thực hiện hành vi phạm tội như: các hiện tượng xã hội tiêu cực, tham nhũng, cửa quyền, những tồn tại, sơ hở, thiếu sót, buông lỏng các khâu quản lý xuất nhập cảnh, cư trú, đi lại, hành nghề và các hoạt động khác của người nước ngoài ở Việt Nam; CAND cũng đã phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, văn hoá, xã hội để có những biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với những hoạt động lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện.

*Thứ ba*, trên cơ sở nghiên cứu, nắm vững các quy luật hoạt động của người nước ngoài lừa đảo CĐTTS, xác định rõ phương thức, thủ đoạn, cách thức tiến hành. Từ đó lực lượng CAND đã phân loại đối tượng, nhóm đối tượng, theo dõi nắm bắt kịp thời những diễn biến về tình hình tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài gây ra ở Việt Nam; phân công, bố trí lực lượng tham gia phù hợp; kiểm tra, giám sát hoạt động của các chủ thể tham gia phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam.

*Thứ tư*, tổ chức các biện pháp phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện theo kế hoạch; phân công, bố trí lực lượng tham gia phù hợp; đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS sản do người nước ngoài thực hiện; phối kết hợp với VKSND và TAND trong điều tra, xử lý tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện.

*Thứ năm*, cùng với các chủ thể có trách nhiệm đấu tranh phòng, chống tội phạm, lực lượng CAND đã thống kê, phân tích và mô tả chính xác đặc điểm tình hình tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện; chỉ rõ hiệu quả các biện pháp hoạt động phòng ngừa tội phạm do người nước ngoài thực hiện nói chung và tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện nói riêng, phát hiện những sơ hở, thiếu sót về lý luận để

sửa chữa, kịp thời; từ đó bổ sung các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả hơn đối với loại tội phạm này.

### **3.2.2. Những khó khăn, hạn chế trong thực tiễn phòng ngừa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện và nguyên nhân của chúng**

#### **- Những khó khăn, hạn chế trong thực tiễn phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam**

+ Người nước ngoài phạm tội thuộc nhiều quốc tịch khác nhau cho nên ngôn ngữ bất đồng, dẫn đến khó khăn trong áp dụng các biện pháp nghiệp vụ trinh sát, biện pháp điều tra theo tổ tụng hình sự.

+ Do chúng ta chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa chính sách mở cửa với bảo vệ ANQG và TTATXH. Đồng thời, thiếu nguồn kinh phí cho những hoạt động phòng ngừa, đấu tranh của lực lượng CSND trong tình hình mới. Chưa tạo được một chiến lược tổng thể phòng ngừa tội phạm do người nước ngoài gây ra ở Việt Nam nói chung và tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện nói riêng.

+ Cơ chế phối hợp giữa các Bộ, Ngành, các cơ quan chức năng từ TW đến địa phương trong việc triển khai đồng bộ, các biện pháp phòng, chống tội phạm có nơi có lúc còn mang nặng tính hình thức, chưa hiệu quả. Việc quản lý Nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư, làm ăn kinh tế tại Việt Nam còn nhiều hạn chế.

+ Việc phối kết hợp giữa các cơ quan chuyên môn bảo vệ pháp luật như Công an, Viện kiểm sát, Tòa án để xử lý các vụ phạm tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam còn thiếu đồng bộ, biện pháp chế tài thiếu nghiêm khắc. Chưa có sự phối kết hợp hài hòa giữa lực lượng trong công tác phòng ngừa chuyên biệt; chưa có nhiều sự trao đổi để nắm tình hình và quản lý chặt chẽ đối tượng người nước ngoài, địa bàn, ngành, lĩnh vực trọng điểm... ; chưa làm tốt công tác quản lý nhập cảnh, cư trú, đi lại của người nước ngoài

+ Quan hệ phối hợp giữa lực lượng CSND với lực lượng ANND và với các chủ thể khác như Tòa án, Viện kiểm sát, UBND các cấp... trong thực tiễn công tác phòng ngừa và tham mưu, xây dựng và ban hành văn bản có liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm người nước ngoài trong đó có tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện cũng còn bộc lộ một số hạn chế nhất định

+ Thiếu sự hợp tác quốc tế trong phòng ngừa tội phạm nói chung và thường có sự can thiệp của nước ngoài bằng con đường ngoại giao vào quá trình giải quyết vụ án.

#### **- Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế trong phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện**

*Trước hết*, là do nhận thức của chúng ta về công tác phòng ngừa tội phạm còn chưa đầy đủ, chưa hiểu hết được tầm quan trọng của công tác này trong cuộc đấu tranh chống tội phạm;

*Thứ hai*, việc tổ chức phòng ngừa tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện được giao một cách chung chung, dàn trải ở nhiều lực lượng mà không có một cơ quan chuyên trách tiến hành một cách khoa học và đảm bảo đủ điều kiện về cơ sở vật chất, tổ chức và lực lượng;

*Thứ ba*, sự hiểu biết của nhiều cán bộ trực tiếp đấu tranh chống tội về bản chất tội phạm, nội dung tình trạng phạm tội, phương pháp xác định nguyên nhân và điều kiện phạm tội; những biện pháp phòng ngừa tội phạm... còn rất khiêm tốn;

*Thứ tư*, trong nhiều năm, chúng ta chưa có chiến lược đề cập một cách toàn diện về công tác phòng ngừa tội phạm là người nước ngoài mà công tác này mới chỉ được nêu một cách chung nhất trong những báo cáo tổng kết cuối năm. Điều này có ảnh hưởng trực tiếp đến công tác chỉ đạo, lãnh đạo chỉ huy thực hiện công tác quan trọng này.

### **Kết luận chương 3**

Có thể nói, thời gian qua tình hình tội phạm nói chung, tình hình tội phạm do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam, trong đó có tội lừa đảo CĐTTS đã và đang diễn biến rất phức tạp. Tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam tăng giảm không đều và chỉ chiếm tỷ lệ khoảng từ 10,8% -> 12,37% trên tổng số vụ phạm pháp hình sự do người nước ngoài thực hiện nhưng tính chất, mức độ rất nghiêm trọng, phương thức và thủ đoạn phạm tội lại hết sức phức tạp, ngày càng tinh vi, xảo quyệt hơn. Chương 3 của luận án đã mô tả và xác định được những đặc điểm tội phạm học của tình hình tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam trong thời gian qua. Bên cạnh đó, kết quả phân tích số liệu cũng cho thấy số vụ việc và đối tượng người nước ngoài có hành vi lừa đảo CĐTTS có xu hướng không ổn định; quy mô, tính chất khá phức tạp và mức độ chiếm đoạt có xu hướng tăng cao. Đặc biệt, số vụ phạm tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện có sử dụng công nghệ cao có xu hướng gia tăng. Phương tiện và công cụ hiện đại hơn, phương thức phạm tội của người nước ngoài lừa đảo CĐTTS ngày càng tinh vi hơn; nhiều thủ đoạn gian dối mới phát sinh. Mặc dù trong đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung, phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện nói riêng, lực lượng CAND và các chủ thể khác đã có sự phối kết hợp khá đa dạng và cũng đạt được những thành công nhất định. Tuy nhiên, trong thực tiễn hoạt động phòng ngừa vẫn còn bộc lộ khá nhiều hạn chế như chúng tôi đã trình bày ở trên. Chương 4 của Luận án sẽ trình bày những định hướng, kiến nghị và giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện cơ sở lý luận, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện.

## **Chương 4**

### **PHÒNG NGỪA TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN DO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THỰC HIỆN Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI**

**4.1. Dự báo tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam trong thời gian tới**

#### **4.1.1. Cơ sở dự báo**

- *Thứ nhất*, xu thế hội nhập toàn cầu hóa trong thế giới hiện đại.
- *Thứ hai*, sự phát triển mạnh và chịu tác động lớn của tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam, kéo theo đó là những mặt tiêu cực của xã hội.
- *Thứ ba*, chính sách về kinh tế, xã hội, đối ngoại của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến người nước ngoài ở Việt Nam.

**4.1.2. Dự báo tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện thời gian tới**

Tình hình tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện sẽ còn diễn biến phức tạp. Tính chất, cơ cấu của tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện sẽ

ngày càng nguy hiểm, mang yếu tố quốc tế, có tổ chức, xuyên quốc gia và sử dụng công nghệ cao.

- Xu hướng tội phạm cấu kết với nhau hình thành các tập đoàn tội phạm lớn hoạt động đa lĩnh vực, liên tỉnh, xuyên quốc gia, nếu không được đấu tranh ngăn chặn, có thể trở thành hiện thực. Tội phạm lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, chứng khoán, đầu tư, quản lý thương mại; lừa đảo CĐTTS sử dụng công nghệ cao vẫn sẽ hết sức nhức nhối và có xu hướng gia tăng, trực tiếp đe dọa phá vỡ nền tảng TTATXH.

- Địa bàn hoạt động của tội phạm chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn, các tuyến trọng điểm, các lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội, nhất là ở Thủ đô Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, các đô thị loại 1 và các vùng chiến lược về an ninh, trật tự; trên các tuyến biên giới, quốc lộ trọng điểm, tuyến hàng không quốc tế; trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, đầu tư, xuất nhập khẩu, thương mại điện tử...

- Cơ cấu về loại hành vi và chủ thể của tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam sẽ đa dạng và phức tạp hơn. Nạn nhân có thể là cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và cũng có thể là cả cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài. Tài sản bị chiếm đoạt sẽ đa dạng hơn bởi gần đây người bị hại không chỉ bị chiếm đoạt tiền mặt mà thẻ tín dụng, thông tin cá nhân, thậm chí tài khoản của cá nhân ở các Ngân hàng hay tài khoản tiền gửi của doanh nghiệp cũng đã bị chiếm đoạt.

## **4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện**

Nhằm khắc phục những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm do người nước ngoài gây ra ở Việt Nam nói chung, trong đó có tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện, chúng tôi cho rằng cần phải tiến hành đồng bộ và có chất lượng các nhóm giải pháp sau đây:

### **4.2.1. Nhóm giải pháp chung nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện**

- Giúp người dân giảm bớt khó khăn về đời sống kinh tế, nâng cao mức sống của bộ phận dân cư nghèo về mặt vật chất và tinh thần, đặc biệt là khu vực dân cư ở ven thành phố, thị xã, thị trấn và khu vực tập trung nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất, nơi tập trung nhiều người nước ngoài sinh sống.

- Đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính, nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan Nhà nước, đảm bảo trật tự, an ninh xã hội, đẩy mạnh các biện pháp ngăn ngừa và tiến tới xóa bỏ các nguyên nhân, điều kiện của tội phạm do người nước ngoài gây ra ở Việt Nam trong đó có tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện.

- Nâng cao hiệu quả và chất lượng của công tác giáo dục, tuyên truyền phổ biến pháp luật nhằm nâng cao trách nhiệm của công dân, đạo đức, lối sống trung thực, hạn chế tính tư lợi và lòng tham của con người. Đồng thời nâng cao hiểu biết pháp luật, cảnh giác với các thủ đoạn gian dối của người nước ngoài lừa đảo CĐTTS, góp phần cùng cộng đồng bảo vệ trật tự an ninh xã hội.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc; Thực hiện có hiệu quả các chương trình và mục tiêu quốc gia liên quan đến phòng chống tội phạm, đảm bảo ANQG và TTATXH.

#### **4.2.2. Nhóm giải pháp cụ thể khắc phục nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện**

- Nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế trong lĩnh vực thuế, ngân hàng, tài chính, đầu tư.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn của các cán bộ trong các cơ quan Tư pháp; đổi mới công tác thống kê tội phạm có yếu tố nước ngoài

- Hoàn thiện pháp luật trong phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam

*Thứ nhất*, bãi bỏ những văn bản quy phạm pháp luật, những chế định luật, điều luật đã lạc hậu, bất cập không phù hợp với thực tế hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay. Cũng cần phải rà soát các văn bản đã ban hành để có những sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

*Thứ hai*, xây dựng mới văn bản qui phạm pháp luật cần phải xác định rõ: Những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động phòng ngừa tội phạm là người nước ngoài nói chung và tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện nói riêng; địa vị pháp lý của người nước ngoài ở Việt Nam; biện pháp chế tài và cơ quan nào có thẩm quyền xử lý đối với những hành vi lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện.

*Thứ ba*, trên cơ sở định hướng hoàn thiện hệ thống các quy định pháp luật, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho hoạt động phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện, trước mắt cần tập trung vào một số nội dung sau:

- Sớm ban hành đạo luật chuyên biệt về dẫn độ tội phạm, đáp ứng yêu cầu hợp tác quốc tế đấu tranh phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm có tính quốc tế trong thời kỳ mới;

- Trên cơ sở Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài ở Việt Nam 2014, cần bổ sung các văn bản hướng dẫn cụ thể, đặc biệt là các quy định về thị thực, trục xuất, về thẩm quyền của lực lượng ANND trong quản lý nhà nước đối với người nước ngoài. Chẳng hạn như quy định tại Điều 7 về việc cấp thị thực: Luật quy định người nước ngoài có thể được cấp thị thực nhiều lần. Tuy nhiên, điều kiện để được cấp nhiều lần như thế nào thì Luật chưa đề cập. Vấn đề tương tự cũng được đặt ra đối với quy định tại Điều 30 về buộc xuất cảnh đối với người nước ngoài, mà chưa có quy định về trình tự, thủ tục buộc xuất cảnh.

- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định của Bộ luật Hình sự 2015

*Một là*, mặc dù BLHS 2015 mới được ban hành nhưng trong tương lai, theo chúng tôi cần thiết phải được nghiên cứu để có thể bổ sung một Chương mới về các loại tội phạm hình sự mang tính quốc tế. Thiết nghĩ nên đưa ra khái niệm về “Tội phạm hình sự quốc tế” để xác định rõ tính chất quốc gia và tính chất quốc tế của tội phạm.

*Hai là*, thực tiễn đấu tranh, phòng ngừa tội phạm lừa đảo nói chung, tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện nói riêng cho thấy có nhiều hành vi (thủ đoạn) gian dối xuất hiện trong điều kiện kinh tế thị trường với tính chất, đặc trưng rất khác nhau. Vì vậy, các cơ quan có thẩm quyền nên hướng dẫn chi tiết thi hành BLHS 2015 cần “*cụ thể hóa hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản thành các tội độc lập với cách mô tả hành vi khách quan riêng biệt và quy định loại, mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của từng trường hợp, tạo thuận lợi cho quá trình áp dụng*”. Cần quy định mới hoặc tách một số hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản thành các tội độc lập như: *Tội sản xuất, tàng trữ, vận*

*chuyển, mua bán thẻ tín dụng giả; Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thẻ tín dụng giả; Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua mạng Internet.*

Ba là, bổ sung quy định về phạm vi chịu TNHS của pháp nhân thương mại theo hướng bổ sung thêm Điều 174 và thậm chí cả Điều 290 vào quy định tại Điều 76 BLHS 2015. Bởi dự báo thời gian tới sẽ có nhiều công ty, tổ chức nước ngoài núp bóng cá nhân hoặc tổ chức Việt Nam để lừa đảo CĐT.

- *Kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.*

*Thứ nhất*, mặc dù BLTTHS 2015 đã quy định tại Điều 87 về nguồn chứng cứ và thừa nhận “chứng cứ được xác định, thu thập từ Dữ liệu điện tử”. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng cơ quan có thẩm quyền cần quy định chi tiết các vấn đề liên quan đến thủ tục tố tụng hình sự về việc thu thập, bảo quản, phục hồi và giám định chứng cứ điện tử phù hợp với đặc điểm, tính chất của tội phạm người nước ngoài sử dụng công nghệ cao để lừa đảo CĐT mà thời gian gần đây gia tăng đáng ngại, với thủ đoạn rất tinh vi, xảo quyệt.

*Thứ hai, về quy định tại Khoản 3 Điều 110 Bộ luật TTHS 2015:* “Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của người bị giữ, lý do, căn cứ giữ người quy định tại khoản 1 Điều này và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này. Việc thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 113 của Bộ luật này”.

Vấn đề đặt ra là khi giữ người nước ngoài hoặc khi bắt quả tang hay bắt khẩn cấp người nước ngoài, đòi hỏi phải có người phiên dịch nhưng thực tế lại rất khó đáp ứng được ngay bởi việc bắt khẩn cấp mang tính cấp bách mà phiên dịch viên của ta còn rất ít, trong khi khả năng ngoại ngữ của lực lượng tiến hành bắt lại hạn chế. Do đó, thiết nghĩ phải giao cho một cơ quan chức năng giải thích, hướng dẫn thống nhất quy định này nếu đối tượng bị bắt, bị giữ là người nước ngoài. Nếu không, quy định này sẽ mang tính hình thức vì người nước ngoài sẽ chẳng hiểu họ có quyền, nghĩa vụ gì khi bị giữ, bị bắt ở Việt Nam.

*Thứ ba, khoản 4 Điều 110 Bộ luật TTHS 2015 quy định:* “Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp hoặc nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải lấy lời khai ngay và những người quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó... Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận người bị giữ, Cơ quan điều tra phải lấy lời khai ngay và những người quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp hoặc trả tự do ngay cho người đó...”.

Vấn đề đặt ra ở đây là: 1) Sự bất đồng về ngôn ngữ như đã nói trên và 2) Khoảng thời gian 12 giờ luật định rất khó để xác minh nhân thân, lai lịch của đối tượng phạm tội là người nước ngoài, nếu là pháp nhân thương mại nước ngoài nữa thì thực sự rất khó khả thi, bởi vì các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng công an không thể áp dụng được với những đối tượng này. Cơ quan công an đã không thể lấy lời khai, thu thập tài liệu, chứng cứ để chứng minh tội phạm. Trước đây, BLTTHS 2003 quy định là 24 giờ mà CQĐT còn không đủ thời gian, nay BLTTHS 2015 chỉ quy định 12 giờ là quá ngắn. Vì vậy, chúng tôi kiến nghị sửa đổi quy định này theo hướng tăng thời hạn này lên, ít nhất cũng là 24 giờ như trong BLTTHS 2003.

*Thứ tư*, BLTTHS 2015 mặc dù đã có những quy định ở phần thứ VIII, về Hợp tác quốc tế trong TTHS nhưng dường như “quên” không quy định về trình tự, thủ tục trục xuất đối với



người nước ngoài bị áp dụng hình phạt Trục xuất theo quy định tại Điều 37 BLHS 2015. Chúng tôi cho rằng cần thiết phải quy định rõ ràng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn, phương tiện, kinh phí... liên quan đến trục xuất người nước ngoài phạm tội.

***- Xây dựng, hoàn thiện quy trình và nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp giữa các chủ thể trong phòng, chống tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản do người nước ngoài thực hiện.***

Thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện nói riêng cho thấy một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho hoạt động này không đạt hiệu quả như mong muốn là do quan hệ phối hợp giữa các chủ thể không đạt yêu cầu hoặc vẫn còn nhiều vướng mắc, bất cập. Vì vậy, cần phải:

+ Xây dựng, hoàn thiện các quy định của pháp luật làm cơ sở cho quan hệ phối hợp trong phòng, chống tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện; Củng cố và tăng cường phối hợp hoạt động trong tổ chức phòng, chống tội phạm mang tính hệ thống; nâng cao chất lượng công tác nắm tình hình;

+ Tăng cường quản lý tốt các nguồn lực trong tổ chức phòng chống tội phạm, nâng cao hiệu quả hoạt động, sức mạnh các cơ quan bảo vệ pháp luật, xây dựng lực lượng CAND thực sự tinh nhuệ, vững mạnh chính quy và hiện đại; Tăng cường công tác phối kết hợp trong đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ, kiến thức pháp luật, ngoại ngữ, tin học cho cán bộ, chiến sỹ trong lực lượng Công an nhân dân;

***- Củng cố và tăng cường hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.***

Tăng cường hợp tác quốc tế phòng chống tội phạm, tiếp tục phát triển quan hệ với lực lượng Cảnh sát các nước có chung đường biên giới để bảo vệ tốt an ninh trật tự biên giới và sự xâm nhập của tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; đa dạng hoá các quan hệ với cảnh sát các nước có đông người Việt Nam sinh sống, lao động học tập hoặc có nhiều đầu tư vào Việt Nam, các tổ chức cảnh sát quốc tế như Interpol, Aseannapol...

#### **Kết luận chương 4**

Nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện phải có sự kết hợp đồng bộ của nhiều giải pháp khác nhau. Trong quá trình nghiên cứu, phân tích chúng tôi luôn đặt các giải pháp đó trong mối quan hệ tác động qua lại, gắn bó mật thiết với nhau. Chính vì vậy, nhóm những giải pháp, kiến nghị trên bình diện chung và đối với từng giải pháp cụ thể nhằm hạn chế nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện mà chúng tôi đưa ra trong chuyên đề này đều là những giải pháp cơ bản và quan trọng. Chúng tôi cho rằng những giải pháp đó không chỉ có ý nghĩa trên phương diện phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện mà còn có ý nghĩa trên phương diện thực tiễn điều tra, xử lý đối với những hành vi phạm tội lừa đảo CĐTTS của người nước ngoài. Điều này có thể được minh chứng bằng việc phát phiếu điều tra, khảo sát ý kiến của các cán bộ trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội phạm có yếu tố nước ngoài, trong đó có tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện. Theo đó, có 194/250 phiếu (chiếm tỷ lệ 76,4%) cho rằng các giải pháp, kiến nghị mà chúng tôi đưa ra mang tính khả thi và có khả năng áp dụng trong thực tế, góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận, mang lại hiệu quả tốt trong đấu tranh phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện.

## KẾT LUẬN

Phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm do người nước ngoài thực hiện nói chung và phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam nói riêng trong giai đoạn hiện nay đang trở thành nhu cầu cấp thiết. Lực lượng CAND nói chung, lực lượng CSND nói riêng, các cơ quan Tư pháp như Tòa án, Viện kiểm sát... với nhiệm vụ quan trọng bảo vệ ANQG và TTATXH, một mặt phải góp phần tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các mối quan hệ hợp tác, phát triển kinh tế đất nước, mặt khác phải luôn luôn đề cao cảnh giác đấu tranh với mọi âm mưu và thủ đoạn của tội phạm lợi dụng chính sách mở cửa, đa phương hóa và đa dạng hóa trong quan hệ hợp tác để lợi dụng xâm phạm chủ quyền ANQG và làm rối loạn TTXH ở nước ta. Nhất là những hoạt động lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam. Trên cơ sở những kết quả nghiên cứu, làm rõ ở Chương 3 về đặc điểm tình hình, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện; những hạn chế, khó khăn trong thực tiễn công tác phòng ngừa, đấu tranh với loại tội phạm này, Chương 4 Luận án đã đưa ra những giải pháp, kiến nghị góp phần củng cố, hoàn thiện lý luận, cơ sở pháp lý nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện. Tất nhiên, những giải pháp này mới chỉ là những định hướng cơ bản để các ban, ngành, đoàn thể, các chủ thể có trách nhiệm phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm nói chung và lực lượng CAND nói riêng nghiên cứu, xem xét để có thể ứng dụng trong công tác thực tiễn. Bên cạnh đó, chúng tôi cho rằng để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, những chủ thể có trách nhiệm phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm nói chung, phòng ngừa, đấu tranh với tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện nói riêng, nhất là lực lượng CAND cần phải đặc biệt lưu ý những vấn đề sau đây:

1. Nâng cao nhận thức về chính trị, tư tưởng để giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế đất nước với vấn đề bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia và trật tự xã hội. Không thể để vì lợi ích kinh tế trước mắt mà gây hậu quả cho tương lai lâu dài. Đồng thời, không vì quá cứng nhắc, chậm đổi mới trong quy trình công tác, trong nhận thức tư tưởng mà xem nhẹ đòi hỏi khách quan của phát triển kinh tế trong xu thế hội nhập quốc tế.

2. Củng cố và hoàn thiện lý luận về phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm; hoàn thiện hơn nữa quy định của pháp luật về đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, pháp luật về phòng ngừa tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện nói riêng trong xu thế hội nhập toàn cầu hóa, nhất là pháp luật Hình sự, pháp luật Tố tụng Hình sự, pháp luật về Điều tra Hình sự, pháp luật về phòng ngừa tội phạm và Hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

3. Củng cố, hoàn thiện quy trình về quan hệ phối hợp giữa các chủ thể, nhất là trên phương diện hoạt động phối hợp giữa lực lượng CAND với các chủ thể khác như VKSND, TAND... trong phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm người nước ngoài trong đó có tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ ANQG và TTATXH; phải tích cực vận động, tuyên truyền để mỗi người dân trong xã hội hiểu việc phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm là trách nhiệm chung của toàn xã hội chứ không phải đó là việc của lực lượng CAND hay của một cơ quan, tổ chức, cá nhân nào.

4. Nghiên cứu, đánh giá, tổng hợp để chỉ ra được những nhận định khách quan, khoa học, chính xác về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm có yếu tố nước

ngoài nói chung; đặc điểm tình hình và nguyên nhân, điều kiện của tội lừa đảo CĐTTS do người nước ngoài thực hiện ở Việt Nam; xác định rõ cơ cấu, tính chất của loại tội phạm này. Từ đó đề xuất những giải pháp thích hợp nhằm hạn chế, tiến tới thủ tiêu nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh loại tội này trong thời gian tới.

5. Thường xuyên quan tâm đến việc củng cố, tăng cường tổ chức lực lượng phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, pháp luật, ngoại ngữ và tin học cho lực lượng trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội phạm có tính chất quốc tế. Mỗi cá nhân phải không ngừng học hỏi kinh nghiệm, tự học nâng cao trình độ bản thân để đáp ứng yêu cầu công tác trong tình hình mới. Các Trường, cơ sở đào tạo cần đổi mới nội dung, chương trình đào tạo để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới.